

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2020

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO¹

Tên ngành : Công nghệ thông tin
Mã số : 7480201
Trình độ đào tạo : Đại học

Kính gửi: Bộ Giáo dục và đào tạo

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Lao động - Xã hội

Trường Đại học Lao động - Xã hội tiền thân từ Trường Trung học Lao động - Tiền lương thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thành lập năm 1961 có nhiệm vụ đào tạo cán bộ lao động tiền lương cho toàn miền Bắc. Năm 1991 Trường Trung học Lao động - Tiền lương hợp nhất với Trường Quản lý Cán bộ Thương binh - Xã hội lấy tên là Trường Cán bộ Lao động - Xã hội. Tháng 1/1997 Trường được Thủ tướng Chính phủ quyết định nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội. Ngày 31/01/2005 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Lao động - Xã hội.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: University of Labor and Social Affairs

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: ULSA

- Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Địa chỉ đào tạo: Số 43 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Số 1018 đường Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh; Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, TX Sơn Tây, Hà Nội.

- Số điện thoại: 024. 35566176

Fax: 024.35566173

- Website: www.uls.edu.vn

Từ khi được thành lập đến nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ở các bậc: tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp với nhiều

¹ Đề án đăng ký mở ngành được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ <http://uls.edu.vn/NewsDetail.aspx?ID=2453>

loại hình đào tạo từ chính quy tập trung đến vừa làm vừa học. Trường đã từng bước hoàn chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp và các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn.

Đến năm 2020, Nhà trường đã có kinh nghiệm 15 năm đào tạo bậc đại học, quy mô đào tạo đại học của Trường vào khoảng 15.000 sinh viên. Hiện nay, Trường Đại học Lao động - Xã hội có 08 ngành đào tạo bậc đại học là Kế toán, Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tâm lý học; 04 ngành đào tạo bậc thạc sĩ là Quản trị nhân lực, Kế toán, Công tác xã hội và Quản trị kinh doanh; 01 ngành đào tạo bậc tiến sĩ: Quản trị nhân lực. Trường có 11 khoa: Kế toán, Công tác xã hội, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Luật, Kỹ thuật chính hình, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Giáo dục đại cương và Khoa Sau đại học, có 7 phòng chức năng và 02 tổ chức phục vụ đào tạo. Trường đã đào tạo được 11 khóa đại học, với trên 20.000 cử nhân đại học và hàng chục ngàn cử nhân cao đẳng đã tốt nghiệp ra trường. Nhìn chung, kết quả đào tạo của trường đạt chất lượng tốt, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp đạt trên 90%. Sinh viên tốt nghiệp của trường được các tổ chức và các doanh nghiệp đánh giá cao về năng lực làm việc.

Trường Đại học Lao động - Xã hội có trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt tiêu chuẩn. Hệ thống Thư viện có phòng đọc đảm bảo 1000 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học như: Các sách về kế toán, tài chính- ngân hàng, kinh tế, kinh tế lao động, quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh, ... các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí kinh tế, các luận án kinh tế và các đề tài nghiên cứu khoa học, các sách tin học hướng dẫn khai thác phần mềm phục vụ nghiệp vụ ngành. Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, từ năm 2005 đến nay Trường Đại học Lao động – Xã hội đã thực hiện 259 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 25 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 121 giáo trình, tài liệu; Trường có 861 bài đăng tạp chí, trong đó có 62 bài đăng tạp chí quốc tế (23 bài đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Schopus hoặc ISI); Trường có 999 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 138 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế. Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng

đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Về hoạt động hợp tác quốc tế, trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo... Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn... Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động – Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Trong 59 năm qua trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều phần thưởng cao quý khác.

2. Sự cần thiết về việc mở ngành Công nghệ thông tin

Trường Đại học Lao động - Xã hội là trường đại học đầu ngành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngày 05/5/2016, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định số 565/QĐ-ĐHLĐXH phê duyệt quy hoạch phát triển Trường Đại học Lao động - Xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Định hướng phát triển trong Quyết định nêu rõ Trường Đại học Lao động - Xã hội cần phát triển đào tạo đa cấp trình độ, lĩnh vực, ngành nghề, hình thức. Vì vậy, Trường Đại học Lao động - Xã hội lập đề án đăng ký mở ngành đào tạo Công nghệ thông tin là cần thiết và phù hợp với quy hoạch phát triển của Trường đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân; đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội đất nước. Nhận thức được tầm quan trọng, cũng như ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới tất cả các mặt kinh tế - xã hội của Việt Nam trong thời gian tới, Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52/NQ-TW ngày 27/9/2019 về

một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghị quyết đã nêu rõ: Tập trung phát triển các ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông; an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng; thương mại điện tử; nông nghiệp số; du lịch số; công nghiệp văn hoá số; y tế; giáo dục và đào tạo. Việc Trường Đại học Lao động - Xã hội lập đề án đăng ký mở ngành đào tạo Công nghệ thông tin là phù hợp với chủ trương, đường lối chỉ đạo của Đảng.

Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam cần khoảng 1,2 triệu nhân lực ngành CNTT vào năm 2020, số nhân lực thiếu hụt lên tới trên 500.000 người. Nhu cầu nhân lực của ngành này mỗi năm tăng thêm 13%. Tuy nhiên, sự thiếu hụt lao động công nghệ thông tin có tay nghề đang là thách thức rất lớn đến ngành công nghệ thông tin. Do đó, việc đào tạo nhân lực công nghệ thông tin là cần thiết và phù hợp với nhu cầu của xã hội.

Trong giai đoạn tới, nhiệm vụ của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội là hết sức nặng nề. Yêu cầu cấp thiết đặt ra là phải nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo kịp thời những quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các nhóm đối tượng xã hội khác nhau, cũng như phải nhanh chóng đưa ra những chính sách, quyết định phù hợp với sự biến chuyển nhanh chóng của xã hội. Để đạt được mục tiêu này thì cần có sự hỗ trợ đáng kể của công nghệ thông tin trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu, kết nối và khai thác thông tin về các đối tượng hưởng lợi, cũng như kết nối, xử lý thông tin để xây dựng, thực thi kịp thời các chính sách liên quan đến lao động, việc làm, an sinh xã hội.... Vì vậy, yêu cầu đặt ra là ngành Lao động - Thương binh và Xã hội phải có đội ngũ cán bộ đa dạng về chuyên môn nghiệp vụ, trong đó có nghiệp vụ về công nghệ thông tin. Hơn nữa, nhu cầu kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội cũng có những khác biệt nhất định so với những ngành khác nên các trường đại học trong Ngành cũng cần thực hiện đào tạo cử nhân công nghệ thông tin.

Theo báo cáo ba công khai đăng trên Website của các trường đại học có đào tạo ngành công nghệ thông tin, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp vào năm 2019 của các trường này rất cao, phần lớn đều đạt trên 92%

TT	Cơ sở đào tạo	Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp (%)	Ghi chú
1	Trường Đại học Hà Nội	97,00	
2	Trường Đại học Giao thông vận tải	93,92	
3	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	94,00	Tỷ lệ SV có việc làm chung
4	Đại học Quốc tế - ĐHQG TP HCM	92,00	

5	Đại học Kinh tế - Tài chính TP HCM	100,00	Nhóm ngành III
6	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP HCM	86,10	
7	Trường Đại học Công nghiệp TP HCM	95,88	
8	Trường Đại học Công nghệ thông tin	92,00	
9	Trường Đại học Sài Gòn	94,44	Năm 2018
10	Trường Đại học Công nghệ TP HCM	92,00	Nhóm ngành III
11	Trường Đại học Bách khoa Đà Nẵng	100,00	

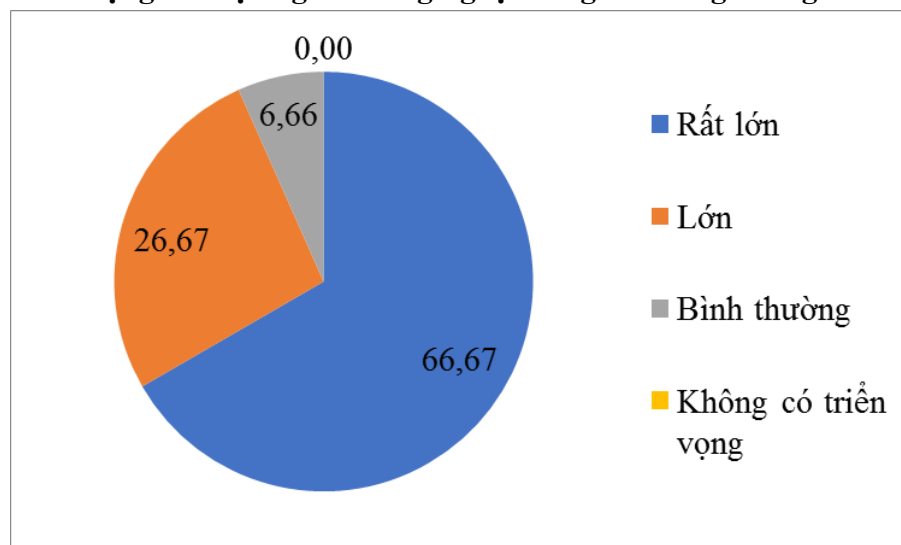
Nguồn: Thu thập từ báo cáo ba công khai đăng trên Website của các trường

Để phục vụ cho việc xây dựng đề án và chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã tiến hành khảo sát với các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo về nhu cầu và triển vọng Nhu cầu và triển vọng đào tạo cử nhân đại học các ngành Công nghệ thông tin. Kết quả điều tra, khảo sát cụ thể như sau:

Thứ nhất, 100% người được điều tra cho rằng cử nhân ngành công nghệ thông tin có vai trò rất quan trọng trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội của đất nước từ sản xuất, thương mại, y tế, quản lý hành chính.

Thứ hai, mặc dù hiện nay đã có một số trường đại học đào tạo cử nhân ngành công nghệ thông tin nhưng quy mô đào tạo nhìn chung còn chưa đáp ứng được nhu cầu. Vì vậy triển vọng phát triển đào tạo ngành công nghệ thông tin trong thời gian tới là khá lớn.

Triển vọng đào tạo ngành công nghệ thông tin trong tương lai

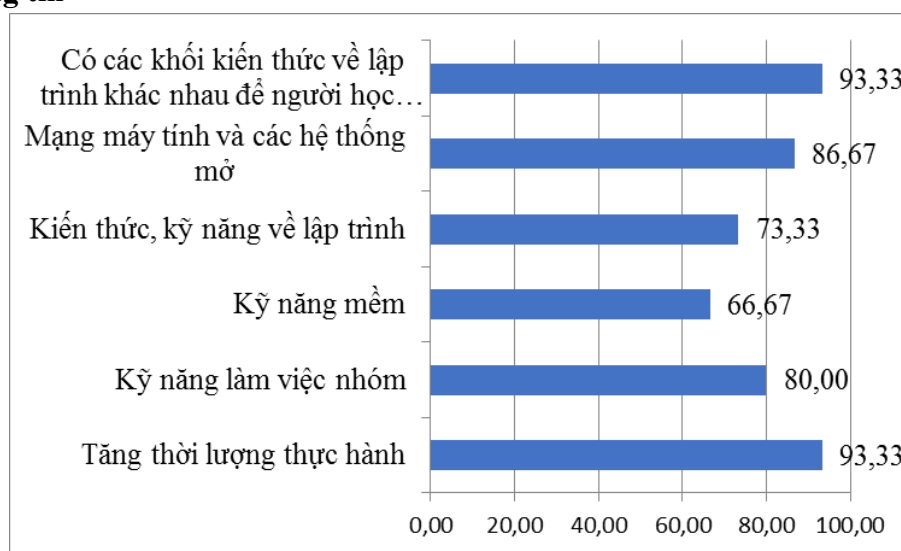


Nguồn: Tính toán từ kết quả điều tra

Thứ ba, về nội dung chương trình đào tạo ngành công nghệ thông tin, trên 93% người được điều tra có ý kiến rằng cần tăng thời lượng thực hành trong quá

trình đào tạo ngành công nghệ thông tin vì kỹ năng lập trình cần được rèn luyện thường xuyên. Đồng thời, một tỷ lệ tương tự cũng cho rằng trong chương trình đào tạo nên có những khối kiến thức về lập trình khác nhau để người học có cơ hội lựa chọn nội dung phù hợp với nhu cầu của mình. Bên cạnh đó, nhân lực công nghệ thông tin thường phải làm việc theo nhóm nên nội dung về kỹ năng làm việc nhóm cũng cần đưa vào chương trình đào tạo. Mặt khác, vì các chương trình, phần mềm công nghệ thông tin được cập nhật, thay đổi thường xuyên nên kiến thức về các hệ thống mở cũng cần đưa vào chương trình để người học có thể rèn luyện kỹ năng tự nghiên cứu và thực hành các ngôn ngữ, chương trình mới trong quá trình làm việc sau này

Các nội dung cần có trong chương trình đào tạo ngành công nghệ thông tin



Nguồn: Tính toán từ kết quả điều tra

Từ những phân tích trên, việc đẩy mạnh đào tạo ngành công nghệ thông tin trong thời đại công nghệ 4.0 là một đòi hỏi khách quan của thực tiễn. Nhu cầu và triển vọng phát triển của việc đào tạo ngành công nghệ thông tin trong tương lai là rất lớn. Vì vậy, Trường Đại học Lao động - Xã hội lập đề án đăng ký mở ngành đào tạo công nghệ thông tin trình độ đại học là phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép, Trường đại học Lao động - Xã hội sẽ góp phần cung cấp nguồn nhân lực công nghệ thông tin trình độ cao cho đất nước nói chung, cũng như cho ngành Lao động – Thương binh và Xã hội nói riêng.

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

1. Năng lực của Trường Đại học Lao động - Xã hội

1.1.1. *Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu*

Trường Đại học Lao động - Xã hội hiện có 702 công chức, viên chức và người lao động, trong đó 488 giảng viên có trình độ sau đại học và đang học sau đại học. Cụ thể, Trường có 01 Giáo sư, 07 phó giáo sư; 116 tiến sĩ; gần 40 người đang theo học nghiên cứu sinh; 336 người có trình độ thạc sĩ; số còn lại đang theo học thạc sĩ trong và ngoài nước.

Đối với ngành Công nghệ thông tin, Nhà trường đã có bước chuẩn bị đầy đủ về đội ngũ giảng viên cơ hữu. Khoa Giáo dục đại cương của Trường hiện có 48 giảng viên cơ hữu, trong đó có 02 tiến sĩ và 10 thạc sĩ ngành công nghệ thông tin. Đội ngũ giảng viên cơ hữu này là những người có kinh nghiệm giảng dạy và có chuyên ngành đào tạo phù hợp.

Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở, Nhà trường đã bố trí 13 giảng viên có trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tham gia giảng dạy đủ 100% các học phần thuộc khối chuyên ngành của ngành Công nghệ thông tin; Danh sách cụ thể tại Bảng 1.

Bảng 1. Danh sách giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu của ngành Công nghệ thông tin²

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy
1	Nguyễn Hoài Phương , 1977, Giảng viên khoa Giáo dục đại cương	Tiến sĩ, Trung Quốc, 2019	Thông tin và hệ thống thông tin	2005, Trường ĐHLĐXH
2	Vũ Thị Tuyết Lan , 1977, Trưởng Bộ môn Công nghệ thông tin thuộc khoa Giáo dục đại cương	Tiến sĩ, Liên bang Nga, 2010	Kỹ thuật	2006, Trường ĐHLĐXH
3	Ngô Bích Liên , 1982, Giảng viên khoa Giáo dục đại cương	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Tin học	2008, Trường ĐHLĐXH
4	Phạm Minh Tú , 1981, Phó trưởng Bộ môn	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Toán học	2011, Trường ĐHLĐXH

² Đội ngũ giảng viên và cán bộ khoa học cơ hữu chủ trì mở ngành đào tạo Công nghệ thông tin của Trường được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường tại địa chỉ <http://ulsa.edu.vn/NewsDetail.aspx?ID=2488>

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy
	Công nghệ thông tin thuộc khoa Giáo dục đại cương			
5	Nguyễn Nam Thắng , 1981, Giảng viên khoa Giáo dục đại cương	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Khoa học máy tính	2005, Trường ĐHLĐXH
6	Phạm Hồng Nhung , 1980, Giảng viên khoa Giáo dục đại cương	Thạc sĩ, Việt Nam, 2013	Khoa học máy tính	2009, Trường ĐHLĐXH
7	Bùi Thị Hồng Dung , 1978, Giảng viên khoa Giáo dục đại cương	Thạc sĩ, Việt Nam, 2003	Toán học	2002, Trường ĐHLĐXH
8	Nguyễn Sao Mai , 1984, Giảng viên khoa Giáo dục đại cương	Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Toán học (Bảo đảm Toán học cho máy tính và hệ thống tính toán)	2006, Trường ĐHLĐXH
9	Nguyễn Thị Sinh Chi , 1974, Giảng viên khoa Giáo dục đại cương	Tiến sĩ, Philippines, 2017	Quản trị kinh doanh	1995, Trường ĐHLĐXH
10	Tạ Tường Vi , 1973, Giảng viên khoa Giáo dục đại cương	Thạc sĩ, Liên bang Nga, 1996	Công nghệ thông tin	2008, Trường ĐHLĐXH
11	Nguyễn Hữu Bình , 1963, Giảng viên khoa Giáo dục đại cương	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Xử lý thông tin và truyền thông	2005, Trường ĐHLĐXH
12	Hoàng Hải Hậu , 1981, Giảng viên khoa Giáo dục đại cương	- Thạc sĩ, Philippines, '- Thạc sĩ, Việt Nam,	- QTKD; - Hệ thống thông tin	2008, Trường ĐHLĐXH
13	Nguyễn Thanh Huyền , 1975, Giảng viên khoa Giáo dục đại cương	Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Công nghệ thông tin	2006, Trường ĐHLĐXH

Ngành Công nghệ thông tin là ngành kỹ thuật, yêu cầu thực hành nhiều trong quá trình đào tạo. Các giảng viên cơ hữu vừa là người giảng dạy lý thuyết đồng thời cũng là người hướng dẫn thực hành cho sinh viên. Để tăng cường thêm đội ngũ hướng dẫn thực hành, Trường đã chuẩn bị 08 cán bộ kỹ thuật và nhân viên có kinh nghiệm để hỗ trợ cho sinh viên trong quá trình thực hành; Cụ thể như sau:

**Bảng 2. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hành
của ngành Công nghệ thông tin**

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy
1.	Đoàn Quang Huy, 1976, TP. QTTB	ThS, Đà Loan, 2013	QLTT	2005, Trường ĐHLĐXH
2.	Vũ Văn Doanh, 1975, Phó trưởng phòng Quản trị thiết bị	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Quản lý giáo dục,	2005, Trường ĐHLĐXH
3.	Nguyễn Hồng Phương, 1981, chuyên viên	Cử nhân, Việt Nam, 2013	QTNL	2010, Trường ĐHLĐXH
4.	Nguyễn Thị Phương, 1982, chuyên viên	Cử nhân, Việt Nam, 2008	Kế toán	2010, Trường ĐHLĐXH
5.	Nguyễn Hữu Mạnh, 1980, chuyên viên	Cử nhân, Việt Nam, 2016	QTNL	2007, Trường ĐHLĐXH
6.	Nguyễn Anh Đức, 1981, Chuyên viên Phòng Quản trị thiết bị	Thạc sĩ, 2018, Việt Nam	Quản trị kinh doanh	2007, Trường ĐHLĐXH
7.	Bùi Thị Thu Thủy, 1984, chuyên viên	Cao đẳng, Việt Nam, 2007	Cơ tin kỹ thuật	2009, Trường ĐHLĐXH
8.	Lê Chí Nguyễn, 1977, Chuyên viên Phòng Quản trị thiết bị	Cử nhân, 2011, Việt Nam	Kỹ thuật điện tử Viễn Thông	2012, Trường ĐHLĐXH
9.	Phạm Dũng, 1971, Chuyên viên Phòng Quản trị thiết bị	Cử nhân, 2009, Việt Nam	Hệ thống điện	2012, Trường ĐHLĐXH

1.1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình phục vụ đào tạo

Trường Đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo: Trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt tiêu chuẩn. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo tất cả các học phần của ngành Công nghệ thông tin, cụ thể như sau:

Bảng 3. Thống kê cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

STT	Loại phòng học (phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng học từ 50m ² -100m ²	55	5.510	Điều hòa	6	Các học phần lý thuyết thuần túy
				Amplify + loa +micro	60	
				Máy tính	51	
				Máy chiếu	40	
				Màn chiếu	40	
				Ti vi	11	
				Bảng	60	
				Bàn ghế giáo viên	60	
				Bàn ghế học sinh	2291	
				Quạt trần	222	
				Quạt treo tường	81	
				đồng hồ	60	
2	Phòng học từ 100m ² -200m ²	22	4.620	Điều hòa	2	Các học phần hỗn hợp lý thuyết và thực hành
				Amplify + loa +micro	21	
				Máy tính	21	
				Máy chiếu	20	
				Màn chiếu	20	
				Ti vi	1	
				Bảng	21	
				Bàn ghế giáo viên	21	
				Bàn ghế học sinh	1040	
				Quạt trần	153	
				Quạt treo tường	21	
				đồng hồ	21	
3	Hội trường E701	1	342	Điều hòa	5	Các hoạt động sinh hoạt chung như chính huấn đầu khóa, đầu năm học...

Bảng 4. Thống kê trang thiết bị của phòng máy vi tính phục vụ thực hành

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng máy tính E202.T2	90	Điều hòa	1	Nội dung thực hành của các học phần công nghệ thông tin
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	40	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
2	Phòng máy tính E302.T3	90	Điều hòa	1	Nội dung thực hành của các học phần công nghệ thông tin
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	40	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
3	Phòng máy tính E403	90	Điều hòa	2	Nội dung thực hành của các học phần công nghệ thông tin
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	44	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
đồng hồ	1				
4	Phòng máy tính E404A	90	Điều hòa	2	Nội dung thực hành
			Máy tính	41	

			Máy chiếu	1	của các học phần công nghệ thông tin
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	56	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
5	Phòng máy tính E404B	90	Điều hòa	1	Nội dung thực hành của các học phần công nghệ thông tin
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	39	
			Quạt treo tường	5	
đồng hồ	1				
6	Phòng máy tính E501	90	Điều hòa	1	Nội dung thực hành của các học phần công nghệ thông tin
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	54	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
đồng hồ	1				
7	Phòng máy tính E502	90	Điều hòa	1	Nội dung thực hành của các học phần công nghệ thông tin
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn máy tính	40	

			ghế học viên	47	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
8	Phòng máy tính E503A	90	Điều hòa	1	Nội dung thực hành của các học phần công nghệ thông tin
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	45	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
9	Phòng máy tính E503B	90	Điều hòa	1	Nội dung thực hành của các học phần công nghệ thông tin

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo gần 400 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Tài liệu phục vụ ngành Công nghệ thông tin gồm các giáo trình, bài giảng về Tin học, lập trình mạng, phân tích hệ thống..., các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí về công nghệ thông tin, kinh tế, các luận án và các đề tài nghiên cứu khoa học,... Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

Bảng 5. Danh mục giáo trình các môn chuyên ngành của ngành Công nghệ thông tin

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Nhập Môn Tin Học	Đào Tăng Kiệt	Trường ĐHXD	2012	Nhập môn Công nghệ thông tin
2	Toán rời rạc ứng	Đỗ Đức Giáo	Giáo dục	2014	Toán rời rạc

	dụng trong tin học				
3	Kỹ nghệ phần mềm	Nguyễn Việt Hà	Đại học Công nghệ-ĐH Quốc gia Hà Nội	2015	Nhập môn Công nghệ phần mềm
4	Phân tích thiết kế và lập trình hướng đối tượng	Đoàn Văn Ban	Thông kê Việt Nam	1997	Lập trình hướng đối tượng
5	Nguyên lý của các hệ cơ sở dữ liệu	Nguyễn Kim Anh	ĐH QGHN	2015	Cơ sở dữ liệu
6	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Đỗ Xuân Lôi	ĐH QGHN	2005	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật
7	Kỹ thuật số	Nguyễn Đình Phú, Nguyễn Trường Duy	– Đại học Quốc gia – TP Hồ Chí Minh	2013	Kỹ thuật số
8	Kiến trúc máy tính	Nguyễn Đình Việt	ĐHQGHN	2005	Kiến trúc máy tính
9	Hệ điều hành	Từ Minh Phương	Thông tin và truyền thông	2016	Hệ điều hành
10	Kỹ thuật lập trình C cơ sở và nâng cao	Phạm Văn Ất,	Khoa học và Kỹ thuật	1999	Cơ sở lập trình
11	English for Information Technology	Học viện Bưu chính viễn thông I		2016	Tiếng anh chuyên ngành CNTT
12	Kỹ thuật vi xử lý	Văn Thế Minh	Giáo dục	1997	Kỹ thuật vi xử lý
13	Corel Draw 12: Từ A - Z	Phùng Thị Nguyệt	GTVT	2004	
14	Truyền thông đa phương tiện	Học Viện KTQS	Học Viện KTQS	2015	Truyền thông đa phương tiện
15	Mạng máy tính và các hệ thống mở	Nguyễn Thúc Hải	Giáo dục	1999	Mạng máy tính và truyền số liệu
16	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	Nguyễn Văn Ba	Đại học Quốc gia Hà Nội	2009	Phân tích và thiết kế hệ thống
17	Phát triển hệ thống hướng đối tượng với UML 2.0 và C++	Nguyễn Văn Ba	Đại học Quốc gia Hà Nội	2008	Phân tích và thiết kế hệ thống
18	Microsoft SQL Server 2008	Phạm Hữu Khang	LĐXH	2009	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu

19	Microsoft SQL Server 2008 – Quản trị cơ sở dữ liệu, tập 1	Phạm Hữu Khang, Phương Lan	Lao động – Xã hội	2009	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
20	Microsoft SQL Server 2008 – Quản trị cơ sở dữ liệu, tập 2	Phạm Hữu Khang, Phương Lan	Lao động – Xã hội	2010	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
21	Lập trình hướng đối tượng với C++	Lê Đăng Hưng, Tạ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Đức, Nguyễn Thanh Thủy	Khoa học và Kỹ thuật	2009	Lập trình hướng đối tượng
22	Bài tập lập trình hướng đối tượng với C++	Nguyễn Thanh Thủy (chủ biên)	Khoa học và Kỹ thuật	2009	Lập trình hướng đối tượng
23	Khai phá dữ liệu	Võ Thị Ngọc Châu	Đại học BK HCM	2012	Khai phá dữ liệu
24	Lập trình Java	Huỳnh Ngọc Tín, Nguyễn Trác Thức, Tôn Thất Hòa An	Đại học Quốc gia TP HCM	2013	Lập trình Java
25	Ngôn ngữ HTML 4 cho World Wide Web	Nhóm tác giả Elicom	Hà Nội	2000	Lập trình PHP căn bản
26	Hướng dẫn thiết kế trang web tương tác bằng JavaScript	Nguyễn Trường Sinh	Mũi Cà Mau	2004	Lập trình PHP căn bản
27	Xử lý ảnh	Đỗ Năng Toàn	Học viện bưu chính viễn thông	2013	Xử lý ảnh
28	Nhập môn xử lý ảnh số	Lương Mạnh Bá, Nguyễn Thanh Thủy	Khoa học Kỹ thuật	2007	Xử lý ảnh
29	Cơ sở an toàn thông tin	Nguyễn Khanh Văn	Bách khoa Hà Nội	2015	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin
30	Trí tuệ nhân tạo	Nguyễn Thanh Thủy	Khoa học & Kỹ thuật	2002	Trí tuệ nhân tạo
31	Quản trị mạng toàn tập	Đỗ Trung Tuấn	Đại học Quốc gia Hà Nội	2002	Quản trị mạng
32	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	Lê Văn Phùng	Trường ĐH CNTT	2015	Quản lý dự án CNTT

	tin				
33	Kiểm thử phần mềm	Lâm Quang Vũ	Đại học Quốc gia Hà Nội	2014	Kiểm thử phần mềm
34	Hướng dẫn thiết kế trang Web tương tác bằng JavaScript	Nguyễn Trường Sinh	NXB GD	2001	Thiết kế Web
35	Sử dụng PHP & MySQL thiết kế Web động	Nguyễn Trường Sinh	ĐH Cần Thơ	2005	Lập trình PHP nâng cao
36	Write Modern web apps with the mean stack	Jeff D.	.Mongo, Express, AngularJS, and Node.js. Peachpit Press	2014	Phát triển Web back-end
37	Lập trình mạng	Hà Mạnh Hào	BCVT	2010	Lập trình mạng
38	Mạng máy tính và các hệ thống mở	Nguyễn Thúc Hải	Giáo dục	1999	Phân tích và thiết kế hệ thống mạng
39	Điện toán đám mây	Huỳnh Quyết Thắng, Nguyễn Hữu Đức, Doãn Trung Tùng.	Đại học Bách Khoa Hà Nội	2014	Điện toán đám mây

Bảng 6. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành Công nghệ thông tin

Số TT	Tên sách chuyên khảo/ tạp chí	Tên tác giả, Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Con số và sự kiện	TC Thống kê Bộ KHĐT	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
2	Tạp chí công thương	Bộ Công thương	2020	Các môn chuyên ngành
3	Đầu tư	Bộ KHĐT	2020	Quản trị dự án công nghệ thông tin
4	Diễn đàn doanh nghiệp	Phòng TM&CNVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
5	Doanh nghiệp và thương mại	Bộ Công thương	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
6	Kinh doanh và pháp luật	Hội Marketing	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành

		VN		
7	Kinh doanh và pháp luật cuối tuần	Hội Marketing VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
8	Kinh tế châu á thái bình dương	Viện NC Kinh tế Châu á	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
9	Kinh tế và dự báo	Bộ KHĐT	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
10	Kinh tế và phát triển	ĐH Kinh tế QD	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
11	Kinh tế việt nam	Hội KH Kinh tế VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
12	Kinh tế Việt Nam và thế giới	Viện KT Chính trị và TG	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
13	Lao động và xã hội	Bộ LĐTBXH	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
14	Nghiên cứu ấn độ và Châu á	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
15	Nghiên cứu châu âu	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
16	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
17	Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc á	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
18	Nghiên cứu Đông Nam á	Viện Hàn lâm KHXHVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
19	Những vấn đề kinh tế thế giới	Viện KT và CT thế giới	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
20	Các vấn đề quốc tế	Học viện Ngoại giao	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
21	Niên giám kinh tế	TC Thống kê	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
22	Phát triển và hội nhập	Trường ĐH KT-TC TP HCM	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
23	Quản lý nhà nước	HV CT-HC QG	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
24	Journal of economic development	ĐH KT TPHCM	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
25	Việt nam Economic	Bộ Công	2020	Các môn cơ sở và

	News	thương		chuyên ngành
26	Vietnam investment review	Bộ KHĐT	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
27	Việt nam news	Thông tấn xã VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
28	Việt nam Studies	ĐH California	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
29	Vietnam Business Forum -Series B	Phòng TM và CN VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
30	Việt nam Economic review	Viện KT và CT thế giới	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
31	Việt nam economic time	Thời báo KTVN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
32	Việt nam Journal of Mathematic	Hội Toán học VN	2020	Toán rời rạc
33	Việt nam Social economic development	Viện Hàn lâm KH XH VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành
34	Việt Nam Social Sciences	Viện Hàn lâm KH XH VN	2020	Các môn cơ sở và chuyên ngành

Trang thông tin điện tử của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ: <http://www.uls.edu.vn/> được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, cũng như những thông tin khác cần công khai theo quy định. Cụ thể như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2017\(1\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2017(1).pdf)

2. Công khai chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

<http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bieu%20mau%20so%2018%20Cong%20khai%20TT%20CLDT%20thuc%20te%20DH%20LDXH%202018-2019.pdf>

3. Công khai cơ sở vật chất của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2019\(2\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2019(2).pdf)

4. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.ulsu.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2020\(1\).pdf](http://www.ulsu.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2020(1).pdf)

5. Công khai tài chính của của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.ulsu.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2021\(1\).pdf](http://www.ulsu.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2021(1).pdf)

1.1.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Về hoạt động nghiên cứu khoa học: Từ năm 2005 đến nay Trường Đại học Lao động – Xã hội đã thực hiện nghiên cứu 259 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 25 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 121 giáo trình, tài liệu; Trường có 861 bài đăng tạp chí, trong đó có 62 bài đăng tạp chí quốc tế (23 bài đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Schopus hoặc ISI); Trường có 999 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 138 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế. Hiện nay trường đang thực hiện 01 đề tài NCKH cấp nhà nước thuộc Ủy ban Dân tộc chuẩn bị nghiệm thu.

Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Bảng 7. Kết quả nghiên cứu khoa học giai đoạn 2015-2019 của Trường Đại học Lao động - Xã hội

Số TT	Nội dung	Số lượng		Ghi chú
		Chung	Trong đó của Khoa GDĐC	
1.	Đề tài	259	22	
	Đề tài cấp Nhà nước	01	0	Đã bảo vệ cấp cơ sở
	Đề tài cấp Bộ	25	0	
	Đề tài cấp Trường	233	22	
2.	Giáo trình, tài liệu	121	10	
3.	Bài đăng tạp chí	861	80	
	Bài đăng tạp chí trong nước	799	80	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (tổng)	62	0	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (đăng trên tạp chí thuộc danh mục Schopus hoặc ISI)	23	0	

Số TT	Nội dung	Số lượng		Ghi chú
		Chung	Trong đó của Khoa GDĐC	
4.	Bài đăng kỷ yếu hội thảo	999	15	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước	861	15	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế	138	0	

Khoa Giáo dục đại cương cũng đã đạt được những kết quả đáng khích lệ về nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn 2015-2019, đội ngũ giảng viên của khoa đã thực hiện 22 đề tài cấp Trường, biên soạn được 10 giáo trình, tài liệu; Viết 80 bài đăng trên các tạp chí trong nước; Viết 15 bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước.

Ngoài việc chủ trì thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Lao động – Xã hội cũng hợp tác với một số bộ ngành trong nước và các tổ chức quốc tế, các trường đại học nước ngoài để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học như hợp tác với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách giảm nghèo cho lao động ngành thủy sản; hợp tác với UNICEF thực hiện các nghiên cứu về nghèo đói, HIV, lao động trẻ em...; hợp tác với đại học Regina của Canada, Yonsei của Hàn Quốc để thực hiện các nghiên cứu về Công tác xã hội, người Việt nam đi lao động ở nước ngoài... Trong những năm gần đây, Nhà trường đã phối hợp với một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Lai Châu để thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và hội thảo khoa học cấp tỉnh/thành phố. Nhiều giảng viên của Trường đã và đang hợp tác với nhiều viện nghiên cứu, trường đại học ở khu vực miền bắc để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, nhiều giảng viên của trường, với tư cách cá nhân, đã và đang tham gia tư vấn cho các doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến tổ chức lao động, định mức lao động, xây dựng quy chế trả lương, an toàn - vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, ...

Về hoạt động hợp tác quốc tế: Trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin, ... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ

và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo... Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn... Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Các dự án về chuyển giao công nghệ điều trị nghiện chất phòng, chống HIV do Đại học California, Los Angles (UCLA) tài trợ từ nguồn kinh phí của Cục quản lý dịch vụ điều trị nghiện chất và sức khỏe tâm thần (SAMHSA) và dự án Thúc đẩy hòa nhập của người khuyết tật do Tổ chức Caritas tài trợ. Các dự án đã hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên về lĩnh vực hòa nhập cho người khuyết tật, điều trị nghiện ma túy, mở rộng mạng lưới và mối quan hệ hợp tác giữa Trường với các cơ sở cai nghiện trong nước và các viện nghiên cứu và trường đại học trong và ngoài nước trong lĩnh vực điều trị nghiện ma túy.

2. Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo ngành Công nghệ thông tin

2.1. Thông tin chung.

Tên chương trình : Công nghệ thông tin

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Công nghệ thông tin

Mã số : 7480201

Loại hình đào tạo : Chính qui

Thời gian đào tạo : 4 năm

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 121 tín chỉ (chưa tính các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, an ninh), trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương (chưa tính các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, an ninh): 31 tín chỉ

+ Các học phần bắt buộc : 29 tín chỉ

+ Các học phần tự chọn : 02 tín chỉ

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ

+ Các học phần bắt buộc : 78 tín chỉ

+ Các học phần tự chọn : 12 tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học chính qui.

Qui trình tuyển sinh và điều kiện tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tuyển sinh đại học chính qui.

Quy mô tuyển sinh dự kiến:

- Năm 2020: 100 sinh viên

- Năm 2021: 150 sinh viên

- Năm 2020: 200 sinh viên

2.2. Chương trình đào tạo:

TT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				
Các học phần bắt buộc				
THML0723H	Triết học Mác-Lênin	Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	30/30/75	
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
LSUD0722H	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	15/30/45	
THCS1222L	Tin học cơ sở	Trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel	30/0/60	
TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...	30/0/60	
TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao	45/0/90	

TT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...		
TCC11122L	Toán cao cấp 1	Các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.	30/0/60	
TCC21122L	Toán cao cấp 2	Các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.	30/0/60	
XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.	45/0/90	
PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.	30/0/60	
NMCN1222L	Nhập môn Công nghệ thông tin	Những kiến thức cơ bản về CNTT như máy tính, hệ điều hành, phần cứng, phần mềm, bảng điều khiển, internet, trình duyệt, kết nối mạng, truyền thông kỹ thuật số, tìm kiếm thông tin,...	30/0/60	
	Giáo dục thể chất	Chương trình gồm 03 học phần với 01 học phần bắt buộc và 02 học phần tự chọn thực hiện theo Thông tư số	0/90/45	Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH

TT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		25/2015/TT-BGDĐT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chương trình môn học giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học		ngày 14/7/2017
	Giáo dục quốc phòng và An ninh	Chương trình gồm 04 học phần thực hiện theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học	90/75/217	Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
Các học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 HP)				
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.	30/0/60	
NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.	30/0/60	
TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	Tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.	30/0/60	

TT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				
2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành				
TORR1123L	Toán rời rạc	Kiến thức liên quan đến số học trên các số nguyên. Phép chứng minh phản chứng và quy nạp. Lý thuyết tập hợp: quan hệ, hàm, lượng số, quan hệ thứ tự, dàn. Tổ hợp: phép đếm, nguyên lý cộng, nhân, chia, bao gồm và loại trừ. Đếm bằng hàm sinh. Nhóm các phép hoán vị	45/0/90	
NMPM1223L	Nhập môn Công nghệ phần mềm	Kiến thức liên quan đến phần mềm như: các mô hình phát triển phần mềm, các giai đoạn trong quá trình xây dựng phần mềm... Từ đó giúp cho sinh viên nắm được nội dung và phương pháp làm việc để xây dựng phần mềm ứng dụng có chất lượng; sử dụng thành thạo các CASE Tool để hỗ trợ quá trình phát triển phần mềm	45/0/90	
CSDL1223L	Cơ sở dữ liệu	Các phương pháp lập trình: hướng cấu trúc, hướng thủ tục và lập trình đệ quy. Có khả năng tổ chức chức dữ liệu kiểu cấu trúc từ các dữ liệu cơ bản được định nghĩa bởi ngôn ngữ C. Giúp sinh viên hiểu sâu sắc về quá trình cấp phát phát bộ nhớ cho biến tĩnh và biến động và ứng dụng việc cấp bộ nhớ động để tối ưu hóa không gian nhớ khi thực hiện chương trình	45/0/90	
CTDL1223L	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Vai trò của cấu trúc dữ liệu và giải thuật trong cuộc sống và phương thức đánh giá các cấu trúc và giải thuật: Tìm hiểu, phân tích và đánh giá các giải thuật tìm kiếm và sắp xếp nội; Tìm hiểu, phân tích và đánh giá các kiểu danh sách lưu trữ nhiều phần tử, các kiểu danh sách đặc biệt và các bài toán ứng dụng; Tìm hiểu, phân tích, đánh giá và xây dựng các cấu trúc cây lý thuyết như cây nhị phân tìm kiếm, cây cân bằng AVL	45/0/90	
KTSO1223L	Kỹ thuật số	Các kiến thức cơ bản quan trọng về	45/0/90	

TT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		các hệ thống số, hàm logic, phương pháp biến đổi và xử lý các hệ thống số, phân tích và thiết kế mạch số như mạch logic, mạch tổ hợp, mạch tuần tự, mạch định thời, ứng dụng và cách sử dụng các linh kiện số trong các mạch ứng dụng hiện thời. Môn học giúp sinh viên có khả năng sử dụng các linh kiện trong mạch số, ứng dụng thiết kế mạch số cho các hệ thống số; chuyển đổi số - tương tự và ngược lại		
2.2. Kiến thức cơ sở ngành				
<i>Các học phần bắt buộc</i>				
KTMT1223L	Kiến trúc máy tính	Giới thiệu một số khái niệm cơ bản liên quan tới kiến trúc máy tính: Giới thiệu các loại máy tính chính, các phương pháp đo năng lượng của máy tính, kiến trúc tập lệnh của máy tính, hệ thống phần cứng, đơn vị xử lý trung tâm, hệ thống nhập xuất, cấu trúc bộ nhớ của máy tính, kỹ thuật đường ống và các bộ lệnh giới hạn. Đồng thời học phần cũng giới thiệu cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật truyền dữ liệu (kỹ thuật truyền số liệu; giao thức truyền số liệu)	45/0/90	
HĐHA1223L	Hệ điều hành	Kiến thức tổng quan về nguyên lý Hệ điều hành, hệ điều hành: Vấn đề quản lý tiến trình (process), vấn đề lập lịch cho CPU, quản lý bộ nhớ, về quản lý thiết bị lưu trữ và hệ tệp của hệ điều hành. Đồng thời giới thiệu một số hệ điều hành cụ thể qua bài tập lớn và thực hành	45/0/90	
CSLT1223L	Cơ sở lập trình	Kiến thức và kỹ năng cơ bản về lập trình, về mô tả giải thuật: các kiểu dữ liệu chuẩn; các ký hiệu, từ khóa; các hàm nhập/xuất; các hàm toán học; các cấu trúc điều khiển rẽ nhánh và vòng lặp; hàm, khai báo và ứng dụng; kiểu dữ liệu mảng, các thao tác xử lý và ứng dụng	45/0/90	

TT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
TATT0623H	Tiếng anh chuyên ngành công nghệ thông tin	Cung cấp kiến thức tiếng Anh chuyên ngành CNTT , giúp sinh viên trau dồi và tích lũy vốn từ vựng cũng như hoàn cảnh giao tiếp chuyên nghiệp hơn để có thể đọc hiểu các tài liệu tiếng anh chuyên ngành trong lĩnh vực CNTT để hỗ trợ nhiều hơn trong công việc	45/0/90	
Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 HP)				
KTVX1223L	Kỹ thuật vi xử lý	Phân tích, thiết kế và tổng hợp các hệ xử lý thông minh dựa trên nguyên tắc làm việc của các bộ vi xử lý 8, 16, 32 bit. Các phương pháp tổ chức phần cứng, xây dựng và cài đặt phần mềm cho bài toán thiết kế các hệ vi xử lý chuyên dụng phục vụ cho nhiệm vụ thu, phát, xử lý, gia công chế biến, biến đổi các dạng tín hiệu và lưu trữ chúng trong các phương tiện nhớ thông dụng	45/0/90	
ĐHMT1223L	Đồ họa máy tính	Các khái niệm và các thuật toán cơ sở của đồ họa máy tính. Giúp sinh viên có được nền tảng bước đầu của kỹ thuật đồ họa, từ đó có thể nghiên cứu sâu hơn trong lĩnh vực đồ họa máy tính và phát triển các chương trình đồ họa ứng dụng.	45/0/90	
TTĐP1223L	Truyền thông đa phương tiện	Kiến thức cơ bản về dữ liệu đa phương tiện, xử lý và truyền thông đa phương tiện, các ứng dụng và phân loại hệ thống thông đa phương tiện; Các phương pháp biểu diễn, đặc tính cơ bản và các yêu cầu của dữ liệu đa phương tiện; Nguyên lý, kỹ thuật và các chuẩn nén dữ liệu; Khái niệm, yêu cầu và kỹ thuật được sử dụng để đảm bảo chất lượng dịch vụ của truyền thông đa phương tiện; Các yêu cầu và cơ chế đồng bộ hóa trong truyền thông đa phương tiện	45/0/90	
2.3. Kiến thức ngành				

TT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
Các học phần bắt buộc				
MMTT1223L	Mạng máy tính và truyền số liệu	Các kiến thức cơ bản về mạng máy tính (kiến trúc, hình trạng, giao thức, đường truyền ...). Đồng thời cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về kỹ thuật và giao thức truyền số liệu, đường truyền số liệu	45/0/90	
PTTK1223L	Phân tích và thiết kế hệ thống	Tầm quan trọng và sự cần thiết của giai đoạn phân tích và thiết kế trong mỗi dự án, nắm được quy trình khảo sát, phân tích, thiết kế một hệ thống thông tin. Phân thực hành hướng sinh viên đến việc thực hiện phân tích và thiết kế các hệ thống thông tin cụ thể để giải quyết các vấn đề nêu trên và hiểu rõ hơn về lý thuyết. Môn học sẽ được dẫn dắt từ bước xác định yêu cầu của khách hàng, phân tích hệ thống đến thiết kế hoàn chỉnh một hệ thống mới	45/0/90	
QTCS1223L	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Kiến thức cơ bản về hệ quản trị cơ sở dữ liệu; các kỹ năng tạo lập, quản trị và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua một hệ quản trị cơ sở dữ liệu điển hình (Thiết kế và quản trị dữ liệu với MS SQL Server	45/0/90	
LTHĐ1223L	Lập trình hướng đối tượng	Kiến thức cơ bản về lập trình C++ trên máy tính; Các nội dung của phương pháp lập trình hướng đối tượng; Các bước phân tích và thiết kế chương trình theo hướng đối tượng; Thực hiện các nội dung của lập trình hướng đối tượng bằng C++. Tổ chức học lý thuyết kết hợp với thực hành ứng dụng phương pháp lập trình hướng đối tượng giải quyết một số bài toán thực tế	45/0/90	
KPDL1223L	Khai phá dữ liệu	Kiến thức cơ bản, bài toán chính, công cụ hỗ trợ trong khai phá dữ liệu: Tiền xử lý dữ liệu; Quản trị dữ liệu và nền tảng xử lý; Công cụ học máy cho khai phá dữ liệu; Khai phá đồ thị và	45/0/90	

TT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		phân tích mạng xã hội; Khai phá văn bản và web; Thương mại điện tử và quảng cáo trực tuyến; Phân tích dữ liệu kinh tế và tài chính; Máy tìm kiếm, phân tích liên kết và thuật toán xếp hạng. Kết hợp lý thuyết và thực hành một số dự án khai phá dữ liệu		
LTJV1223L	Lập trình Java	Các đặc điểm của ngôn ngữ lập trình Java, Phân loại và so sánh được điểm giống nhau và khác nhau về lập trình hướng đối tượng và hướng thủ tục. Phân biệt được điểm giống và khác giữa ngôn ngữ lập trình Java và các ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng khác như C++, C#...	45/0/90	
LTPH1223L	Lập trình PHP căn bản	Kiến thức liên quan đến ngôn ngữ lập trình nguồn mở PHP. Hiểu được cú pháp, cấu trúc điều khiển, các kỹ thuật xử lý trên mảng, chuỗi và hàm. Biết cách thiết kế một số biểu mẫu trong PHP, lưu trữ dữ liệu trên tập tin và cơ sở dữ liệu. Kết hợp PHP và Javascript, XML, XML DOM, Session và Cookie, JQuery và Ajax. Phát triển một Website	45/0/90	
XULA1223L	Xử lý ảnh	Kiến thức về một số kỹ thuật xử lý ảnh số, gồm các vấn đề về: mã hóa và biểu diễn ảnh, khử nhiễu, làm nổi biên, phát hiện cạnh, xử lý tăng cường chất lượng ảnh; Kỹ thuật nén ảnh và video số; Một số vấn đề về hiểu nội dung ảnh; Thực hành một số ứng dụng của xử lý ảnh như cài đặt một số kỹ thuật xử lý ảnh số, đọc hiểu được một số hệ thống xử lý ảnh số, tiếp cận được các vấn đề ứng dụng của xử lý ảnh trong thực tế	45/0/90	
ANBM1223L	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Kiến thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ dữ liệu trong một hệ thống thông tin và các giải pháp bảo vệ dữ liệu trong hai ngữ cảnh: khi dữ liệu được quản lý nội bộ và khi dữ liệu được quản lý bởi nhà cung cấp dịch	45/0/90	

TT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		vụ.		
TTNT1223L	Trí tuệ nhân tạo	Kiến thức nền tảng trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo bao gồm các phương pháp giải quyết vấn đề sử dụng phương pháp tìm kiếm, các chiến lược tìm kiếm có kinh nghiệm, tìm kiếm thỏa mãn ràng buộc, tìm kiếm có đối thủ trong trò chơi, các phương pháp biểu diễn tri thức và lập luận tự động, lập luận không chắc chắn.	45/0/90	
ĐACN1222T	Đề án chuyên ngành	Sinh viên được đi thực tập tại các công ty công nghệ, các bộ phận CNTT của các tổ chức hoặc các trung tâm giáo dục, nghiên cứu về ngành CNTT. Trong khoảng thời gian thực tập, sinh viên sẽ được tham gia vào các dự án CNTT hoặc các đề tài nghiên cứu đang được triển khai tại nơi thực tập.	0/60/30	
CĐTC1223L	Chuyên đề tự chọn	Giảng viên hướng dẫn sinh viên làm về một chuyên đề nào đó (sinh viên chọn) dựa vào các kiến thức đã học. Sinh viên sẽ được làm quen với cách trình bày báo cáo, tiểu luận...	45/0/90	
QTMA1223L	Quản trị mạng	Những nguyên lý hoạt động, hiệu kỹ hơn về các thiết bị trong một hệ thống mạng, và từ đó có thể thiết lập, cấu hình các thiết bị đó để hệ thống mạng có thể hoạt động một cách tối ưu nhất. Cài đặt phần mềm và quản trị mạng theo mô hình ngang hàng và khách/chủ. Cấu hình một số dịch vụ mạng cơ bản. Các kỹ năng về giám sát hệ thống mạng, tìm ra lỗi của hệ thống và cách khắc phục	45/0/90	
QLDA1223L	Quản lý dự án CNTT	Kiến thức cơ bản về quản lý dự án CNTT bao gồm tổng thể dự án, phạm vi, thời gian, chi phí, chất lượng, nhân lực, giao tiếp, rủi ro, mua sắm thuê mướn (procurement) và quản lý các đối tác trong dự án (stakeholders)	45/0/90	
Các học phần tự chọn				

TT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
KTPM1223L	Kiểm thử phần mềm	Kiến thức cơ bản về quy trình và kỹ thuật trong đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm; hiểu biết về ý nghĩa và tầm quan trọng của chất lượng liên quan đến hệ thống phần mềm; hiểu được các kỹ năng lập kế hoạch và quản lý kiểm thử	45/0/90	
TKWE1223L	Thiết kế Web	Kiến thức về thiết kế trang web (HTML5 và CSS3); một trong những ngôn ngữ script hỗ trợ lập trình web là javacript; kiến thức về lập trình web phía server với công nghệ ASP.NET	45/0/90	
LTNC1223L	Lập trình PHP nâng cao	Kiến thức nâng cao trong lập trình mã nguồn mở PHP. Nội dung tập trung hướng dẫn cho sinh viên những kỹ thuật lập trình ở phần back end hay còn gọi là lập trình trên Server với các chức năng kết nối cơ sở dữ liệu MySQL để thêm, xóa, sửa và truy vấn dữ liệu. Ngoài ra, còn cung cấp cho sinh viên những kỹ thuật liên quan đến Ajax, XML, tìm hiểu về một số Framework để phát triển ứng dụng website. Cuối cùng là triển khai một ứng dụng cụ thể	45/0/90	
PTWE1223L	Phát triển Web back-end	Kiến thức liên quan đến việc tạo ra các đoạn mã xử lý Back End, nghĩa là những xử lý ở phía Web Server như truy vấn, cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu hay những xử lý nghiệp vụ mà End User không thể thấy. Sử dụng các ngôn ngữ HTML, CSS và Javascript	45/0/90	
LTMA1223L	Lập trình mạng	Kiến thức liên quan tới rất nhiều vấn đề và lĩnh vực khác nhau. Từ những kiến thức sử dụng các ngôn ngữ lập trình cho tới phân tích hệ thống. Những kiến thức hệ thống mạng, kiến thức về cơ sở dữ liệu,.. Cho tới những kiến thức về truyền thông. Ngoài ra, nó còn liên quan tới rất nhiều vấn đề như hệ thống GPS, các mạng như	45/0/90	

TT/ Mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt của từng học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		bluetooth,...		
QTLI1223L	Quản trị hệ thống Linux	Kiến thức và kỹ năng quản trị trên Linux, cung cấp kiến thức liên quan đến các thành phần chính của HĐH: như cài đặt cấu hình hệ thống, sử dụng cơ bản đến việc tinh chỉnh các dịch vụ, quá trình khởi động hệ thống, biên dịch kernel, bảo trì hệ thống, quản lý mạng và xử lý sự cố. Những công nghệ để triển khai các dịch vụ cốt lõi của Internet như Email (Sendmail), DNS (BIND), Web (Apache), Proxy, NFS, SAMBA, ...	45/0/90	
PTTK1223L	Phân tích và thiết kế hệ thống mạng	Kiến thức về các bước cụ thể để xây dựng một hệ thống mạng hoàn chỉnh: Khảo sát hiện trạng về cấu trúc địa lý, yêu cầu, những khó khăn thuận lợi. Xây dựng giải pháp và thiết kế hệ thống mạng: sơ đồ logic, sơ đồ vật lý, các thiết bị phần cứng, phần mềm. Giới thiệu cho sinh viên một số mô hình mẫu và hướng dẫn sinh viên thiết kế một hệ thống mạng cụ thể	45/0/90	
ĐTĐM1223L	Điện toán đám mây	Kiến thức tổng quát về điện toán đám mây, ảo hóa, kỹ năng hiện thực private cloud. Hoàn thành môn học, sinh viên có khả năng triển khai dịch vụ điện toán đám mây, phát triển các ứng dụng điện toán đám mây, và cài đặt đám mây riêng	45/0/90	
TTCK1224T	Thực tập cuối khóa	Sinh viên đi thực tập theo nội dung và thời gian của Trường	0/180/0	
KLTN1226T	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp theo nội dung và thời gian của Trường	0/270/0	

2.3. Kế hoạch đào tạo

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8
I	Kiến thức giáo dục đại cương	31								
1.1	Các học phần bắt buộc	29								
1	Triết học Mác-Lênin	3		3						
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2			2					
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2							
4	Lịch sử Đảng CSVN	2					2			
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2				
6	Tin học cơ sở	2	2							
7	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
8	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
9	Toán cao cấp 1	2	2							
10	Toán cao cấp 2	2	2							
11	Lý thuyết XS và thống kê toán	3			3					
12	Pháp luật đại cương	2	2							
13	Nhập môn Công nghệ thông tin	2	2							
14	Giáo dục thể chất	3	2	1						
15	Giáo dục QPAN	8	4	4						
1.2	Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 HP)	2		2						
16	Soạn thảo văn bản	2								
17	Phương pháp luận NCKH	2								
18	Tâm lý học đại cương	2								
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90								
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành	15								
19	Toán rời rạc	3		3						
20	Nhập môn Công nghệ phần mềm	3				3				
21	Cơ sở dữ liệu	3			3					
22	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3			3					
23	Kỹ thuật số	3				3				
II.2	Kiến thức cơ sở ngành	15								
	Các học phần bắt buộc	12								
24	Kiến trúc máy tính	3			3					
25	Hệ điều hành	3		3						
26	Cơ sở lập trình	3		3						
27	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3			3					

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 1 trong 3 HP)</i>	3					3			
28	Kỹ thuật vi xử lý	3								
29	Đồ họa máy tính	3								
30	Truyền thông đa phương tiện	3								
II.3	<i>Kiểm thức ngành</i>	50								
	<i>Các học phần bắt buộc</i>	41								
31	Mạng máy tính và truyền số liệu	3				3				
32	Phân tích và thiết kế hệ thống	3				3				
33	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3					3			
34	Lập trình hướng đối tượng	3					3			
35	Khai phá dữ liệu	3						3		
36	Lập trình Java	3						3		
37	Lập trình PHP căn bản	3					3			
38	Xử lý ảnh	3						3		
39	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3					3			
40	Trí tuệ nhân tạo	3						3		
41	Đề án chuyên ngành	2						2		
42	Chuyên đề tự chọn	3				3				
43	Quản trị mạng	3							3	
44	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	3							3	
	<i>Các học phần tự chọn (chọn 3 trong 8 HP)</i>	9							9	
45	Kiểm thử phần mềm	3								
46	Thiết kế Web	3								
47	Lập trình PHP nâng cao	3								
48	Phát triển Web Back -End	3								
49	Lập trình mạng	3								
50	Linux và phần mềm mã nguồn mở	3								
51	Điện toán đám mây	3								
II.4	<i>Thực tập, làm khóa luận</i>	10								10
52	Thực tập cuối khóa	4								4
53	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
II.5	<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	6								6

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5	Kỳ 6	Kỳ 7	Kỳ 8
54	Kiểm thử phần mềm	3								3
55	Thiết kế Web	3								3
56	Lập trình PHP nâng cao	3								3
57	Phát triển Web Back -End	3								3
58	Lập trình mạng	3								3
59	Linux và phần mềm mã nguồn mở	3								3
60	Điện toán đám mây	3								3
61	Tổng cộng (Chưa tính GDTC và GDQPAN)	121	14	17	17	17	17	14	15	10

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	14		
1	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	2		
2	THCS1222L	Tin học cơ sở	2		
3	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2		
4	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		
5	TCC21122L	Toán cao cấp 2	2		
6	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		
7	NMCN1222L	Nhập môn Công nghệ thông tin	2		
8		Giáo dục thể chất	2		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
9		Giáo dục quốc phòng và an ninh	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	14		

Học kỳ 2:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	3		
2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3	TAC10622H	
3	CSLT1223L	Cơ sở lập trình	3	NMCN1222L THCS1222L	
4	TORR1123L	Toán rời rạc	3		
5	HĐHA1223L	Hệ điều hành	3	NMCN1222L	
6		Giáo dục quốc phòng và an ninh	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	2		
7		Giáo dục thể chất	1		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
8	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2		Chọn 2/6 TC
9	NCKH0722L	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2		
10	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2		
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	17		

Học kỳ 3:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	17		
1	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2		
2	CSDL1223L	Cơ sở dữ liệu	3		
3	CTDL1223L	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	CSLT1223L	
4	KTMT1223L	Kiến trúc máy tính	3	NMCN1222L	
5	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		
6	TATT0623L	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	3		
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 4:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	17		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
1	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
2	NMPM1223L	Nhập môn Công nghệ phần mềm	3		
3	KTSO1223L	Kỹ thuật số	3		
4	MMTT1223L	Mạng máy tính và truyền số liệu	3		
5	PTTK1223L	Phân tích và thiết kế hệ thống	3		
6	CĐTC1223L	Chuyên đề tự chọn	3	CSLT1223L	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 5:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	14		
1	LSUD0722H	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		
2	QTCS1223L	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	CSDL1223L	
3	LTHĐ1223L	Lập trình hướng đối tượng	3	CSLT1223L	
4	LTPH1223L	Lập trình PHP căn bản	3	CSLT1223L	
5	ANBM1223L	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	3		
		Học phần tự chọn	3		
6	KTVX1223L	Kỹ thuật vi xử lý	3		Chọn 3/9 TC
7	ĐHMT1223L	Đồ họa máy tính	3	CSLT1223L	
8	TTĐP1223L	Truyền thông đa phương tiện	3		
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 6:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	14		
1	KPDL1223L	Khai phá dữ liệu	3		
2	LTJV1223L	Lập trình Java	3		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
3	XULA1223L	Xử lý ảnh	3		
4	TTNT1223L	Trí tuệ nhân tạo	3	CTDL1223L	
5	ĐACN1222T	Đề án chuyên ngành	2	THCS1222L	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	14		

Học kỳ 7:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	6		
1	QTMA1223L	Quản trị mạng	3	MMTT1223L	
2	QLDA1223L	Quản lý dự án Công nghệ thông tin	3	CSLT1223L NMPM1223L	
		Học phần tự chọn	9		
3	KTPM1223L	Kiểm thử phần mềm	3		Chọn 9/24 TC
4	TKWE1223L	Thiết kế Web	3		
5	LTNC1223L	Lập trình PHP nâng cao	3	LTPH1223L	
6	PTWE1223L	Phát triển Web Back - End	3	LTHĐ1223L	
7	LTMA1223L	Lập trình mạng	3	MMTT1223L LTHĐ1223L	
8	LINU1223L	Linux và phần mềm mã nguồn mở	3	HĐHA1223L	
9	ĐTĐM1223L	Điện toán đám mây	3		
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 8:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	04		
1	TTCK1224T	Thực tập cuối khóa	4		
		Học phần tự chọn	6		
2	KLTN1226T	Khóa luận tốt nghiệp	6		
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6		
3	KTPM1223L	Kiểm thử phần mềm	3		Chọn 06 TC/02
4	TKWE1223L	Thiết kế Web	3		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
5	LTNC1223L	Lập trình PHP nâng cao	3		học phần chưa học
6	PTWE1223L	Phát triển Web Back -End	3		
7	LTMA1223L	Lập trình mạng	3		
8	LINU1223L	Linux và phần mềm mã nguồn mở	3		
9	ĐTĐM1223L	Điện toán đám mây	3		
		Tổng cộng	10		

Về kiểm định chất lượng giáo dục, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục và đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học quốc gia Hà Nội công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành (tại Quyết định số 223/QĐ-KĐCL ngày 30/6/2018)

Về việc tổ chức đào tạo ngành Công nghệ thông tin (khi được Bộ giáo dục và Đào tạo cho phép), Trường Đại học Lao động - Xã hội đã giao cho Khoa Giáo dục Đại cương là đơn vị quản lý chuyên trách, đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý đào tạo ngành Công nghệ thông tin. Đồng thời, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Lao động - Xã hội theo Quyết định số 1042/QĐ-ĐHLĐXH ngày 05 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động - Xã hội.

Về việc tuân thủ các quy định hiện hành về điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo ở các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học, trong thời hạn 3 năm, tính đến ngày đề nghị mở ngành, Trường Đại học Lao động - Xã hội không vi phạm các quy định hiện hành về điều kiện mở ngành đào tạo, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo ở các ngành đang đào tạo và các quy định liên quan đến giáo dục đại học

III. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Đề án đăng ký mở ngành đào tạo Công nghệ thông tin, các thông tin về 3 công khai, chuẩn đầu ra và các quy định liên quan về đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Lao động - Xã hội được đăng trên website của trường có địa chỉ là: <http://ulsa.edu.vn>.

2. Căn cứ vào năng lực thực tế của Trường và nhu cầu của thị trường lao động; căn cứ định hướng chỉ đạo của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; Trường đại học Lao động - Xã hội kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho

phép Trường được đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học từ năm học 2020 - 2021.

3. Nếu được phê duyệt, Trường đại học Lao động - Xã hội cam kết sẽ tổ chức đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học theo đúng đề án đăng ký và các quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, KH &HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

Hà Xuân Hùng